

Bản án số: 04/2021/HNGĐ-ST

Ngày 28/6/2021

*(V/v: Nam, nữ chung sống với nhau như  
vợ chồng mà không ĐKKH)*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM ĐƯỜNG, TỈNH LAI CHÂU**

*Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đoàn Trung Phước

*- Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Tẩn A Nao; Bà Lò Thị Thủy.

*- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Hà Thị Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Đường.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa:*

Bà: **Bùi Thị T**- Kiểm sát viên

Ngày 29/6/2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Lai Châu, xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 44/2021/TLST - HNGĐ, ngày 02 tháng 4 năm 2021, về việc: Nam, nữ chung sống với nhau như vợ, chồng mà không đăng ký kết hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Lý Thị D, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Bản S, xã G, huyện T, tỉnh Lai Châu (có mặt).

Bị đơn: Anh Sùng A L, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Bản S, xã G, huyện T, tỉnh Lai Châu (có đơn xin vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện ngày 02/4/2021, biên bản ghi lời khai và lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lý Thị D, trình bày: Chị và anh Sùng A L chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 02/1988, khi về chung sống với nhau chỉ tổ chức đám cưới theo phong tục của địa phương, không đăng ký kết hôn, chung sống trên cơ sở tự nguyện. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2010 chị và anh L bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau và không hòa hợp. Nguyên nhân phát

sinh mâu thuẫn là anh L thường xuyên đánh đập, chửi bới chị. Chị và anh L đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Nay mâu thuẫn trầm trọng, nhận thấy không thể sống chung với anh L được nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Sùng A L.

Về nuôi con chung: Chị và anh L có 04 con chung Sùng Thị T sinh năm 1989, Sùng A N, Sùng A C đều sinh năm 1997, Sùng Thị S sinh năm 2000. Nay cả bốn con chung đều đã trưởng thành, đều trên 18 tuổi và đều đã lập gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Biên bản ghi lời khai ngày 02/4/2021 bị đơn anh Sùng A L trình bày: Anh và chị Lý Thị D chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 02/1988 chỉ tổ chức đám cưới theo phong tục của địa phương không có ĐKKH, chung sống trên cơ sở tự nguyện. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2010 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, cũng có thường xuyên cãi nhau không hòa hợp nhưng chưa đến mức phải ly hôn. Chị D đã về bên ngoại từ năm 2018 đến nay. Nay chị D làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh, anh không đồng ý ly hôn.

Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi vụ án được đưa ra xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ, chính xác trình tự thủ tục tố tụng, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, cũng như các văn bản pháp lý liên quan.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57/Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 7 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273/Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 12/Nghị quyết số 326/2016 ngày 30.12.2016 của UBTVQH; Nghị quyết 35/2000/NQ - QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lý Thị D để tuyên bố nguyên đơn Lý Thị D và bị đơn Sùng A L không phải là vợ chồng. Về con chung: Các con chung đều đã trên 18 tuổi nên không đề cập giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung do nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét giải quyết và miễn án phí cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét khách quan, toàn diện ý kiến của đương sự Hội đồng xét xử có cơ sở nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn có nơi cư trú tại bản S, xã G, huyện T, tỉnh Lai Châu. Căn cứ quy định tại khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39/Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Lai Châu. Bị đơn Sùng A L có đơn xin xét xử vắng mặt, HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228/ Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lý Thị D và anh Sùng A L sống chung với nhau như vợ chồng từ tháng 02/1988, khi sống chung với nhau chỉ tổ chức làm đám cưới theo phong tục của địa phương mà không có đăng ký kết hôn, sống chung trên cơ sở tự nguyện. Theo lời khai của nguyên đơn Lý Thị D thì thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng một thời gian sau đó bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bị đơn Sùng A L thường xuyên đánh đập, chửi bới chị, chị và anh L đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Mặc dù theo lời khai của anh Sùng A L, thì vợ chồng anh có mâu thuẫn nhưng chưa đến mức phải ly hôn nên anh không đồng ý ly hôn. Nay nhận thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị D có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, cho ly hôn với anh L. Quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh L là quan hệ hôn nhân không hợp pháp do không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, vì vậy HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56/Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết 35/2000/NQ - QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tuyên bố nguyên đơn Lý Thị D và bị đơn Sùng A L không phải là vợ, chồng.

[3]. Về nuôi con chung: Nguyên đơn Lý Thị D, bị đơn Sùng A L có 04 con chung nhưng đều đã trên 18 tuổi và đều đã lập gia đình, có cuộc sống riêng, độc lập với bố mẹ nên không có căn cứ xem xét, giải quyết trong vụ án.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Cả nguyên đơn, bị đơn đều không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn Lý Thị D là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại địa phương có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, tại phiên tòa có đề nghị được miễn án phí nên sẽ được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên*

**QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57/Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273/Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội; Điểm đ khoản 1 Điều 12/Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**Xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lý Thị D.
2. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố nguyên đơn Lý Thị D, bị đơn Sùng A L không phải là vợ, chồng.
3. Về nuôi con chung: Không xem xét giải quyết.
4. Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.
5. Về án phí: Nguyên đơn Lý Thị D được miễn án phí dân sự sơ thẩm.
6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được thông báo, niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Toà án Tỉnh;
- VKSND huyện T;
- Thi hành án DS;
- Người TGTT;
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Đã ký

**Đoàn Trung Phước**